

Số: **682**/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **21** tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty
TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu Nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 105/2021/TT-BTC ngày 25/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Trưởng Ban kiểm soát, Kiểm soát viên tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy chế tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4850/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ nhiệm lại Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 22/02/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai;

Theo đề nghị của Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai tại Công văn số 05/CV-KTTL-KSV ngày 27/02/2024 và Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1335/STC-TCDN ngày 11/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3064/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



Võ Tấn Đức



QUY CHẾ

Hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 682 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm, chế độ làm việc; cơ chế phối hợp công tác; cơ chế đánh giá, tiền lương, tiền thưởng, lợi ích khác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu và viết tắt như sau:

1. “Cơ quan đại diện Chủ sở hữu” là Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
2. “Công ty”, là Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai.
3. “Kiểm soát viên tại Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ viết tắt là “Kiểm soát viên” là cá nhân do Chủ sở hữu bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thực hiện các quy định tại Điều 103, Điều 104, Điều 105, Điều 107, Điều 108 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và quy định tại Điều lệ Công ty.
4. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Chương II

NGHĨA VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 4. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty.
 2. Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty.
 3. Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty.
 4. Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ các quy chế, quy định quản trị hoạt động nội bộ của Công ty.
 5. Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan.
 6. Giám sát hợp đồng, giao dịch của Công ty và các bên có liên quan.
 7. Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu Công ty; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.
 8. Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 của Điều này cho Chủ sở hữu và các cơ quan có liên quan.
 9. Xây dựng kế hoạch công tác năm, trình Chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I hàng năm; thực hiện theo kế hoạch công tác năm được phê duyệt.
- Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót và không gây thiệt hại cho Công ty, Kiểm soát viên chủ động thực hiện đồng thời báo cáo Chủ sở hữu.
10. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo yêu cầu của Chủ sở hữu, theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 5. Quyền của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Chủ sở hữu với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty.

2. Chất vấn Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty và Giám đốc Công ty về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty.

3. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty.

4. Kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu.

5. Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

6. Đề nghị Chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao (nếu xét thấy cần thiết).

7. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, các quyết định của Chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó.

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

6. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Tiêu chuẩn, điều kiện của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không được là người quản lý công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác. Không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước. Không phải là người lao động của công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện Chủ sở hữu của công ty; thành viên Hội đồng thành viên của công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng công ty.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Chế độ làm việc của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên gồm 01 người do chủ sở hữu bổ nhiệm, làm việc theo chế độ chuyên trách, độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và được Chủ sở hữu xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của Kiểm soát viên, nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 9. Các phương pháp, nội dung cụ thể giám sát, kiểm tra của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Phương pháp giám sát, kiểm tra:

a) Giám sát, kiểm tra gián tiếp:

- Thông qua các tài liệu, báo cáo và thông tin thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau, Kiểm soát viên thực hiện kiểm tra, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để kiến nghị các vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

- Nếu phát hiện ở Công ty và các đơn vị trực thuộc có dấu hiệu sai lệch, vi phạm về thực hiện chế độ, chính sách của nhà nước, các quy định về quản lý tài chính, Kiểm soát viên phải có ý kiến để Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty xem xét, có sự khắc phục và điều chỉnh cho phù hợp. Trường

hợp không thể khắc phục, điều chỉnh thì phải báo cáo bằng văn bản, đề xuất biện pháp xử lý và xin ý kiến chỉ đạo của Chủ sở hữu.

b) Giám sát, kiểm tra trực tiếp:

Kiểm soát viên trực tiếp làm việc với các phòng chuyên môn nghiệp vụ trong Công ty và các đơn vị trực thuộc Công ty để kiểm tra, giám sát tại chỗ việc chấp hành các quy định của Nhà nước, Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty; kiến nghị những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi và thông báo với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty để xem xét, điều chỉnh công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và đầu tư cho phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

2. Nội dung giám sát, kiểm tra:

a) Giám sát, kiểm tra thường xuyên:

Căn cứ kế hoạch, chương trình công tác giám sát, kiểm tra của Kiểm soát viên đã được Chủ sở hữu phê duyệt, Kiểm soát viên thông báo nội dung, địa điểm, thời gian và đối tượng giám sát, kiểm tra với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty và đối tượng được giám sát trước khi thực hiện. Cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện quản lý điều hành của Công ty theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty;
- Giám sát việc chấp hành, tuân thủ các quy định về hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật tại Công ty;
- Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các quy chế, quy trình quản lý hoạt động nội bộ Công ty;
- Kiểm tra, kiểm soát chi tiết các tài liệu, chứng từ kế toán và tài liệu liên quan;
- Việc thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty theo quy định pháp luật;
- Các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát, kiểm tra định kỳ:

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, năm;
- Việc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
- Việc thực hiện chế độ tài chính, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật;
- Thẩm định kế hoạch sử dụng lao động, báo cáo xác định quỹ tiền lương, tiền thưởng để báo cáo Chủ sở hữu;
- Thẩm định các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan;

- Các công việc phát sinh thực tế khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Giám sát, kiểm tra đột xuất:

Khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền; do yêu cầu công việc phải giám sát đột xuất hoặc có đơn thư khiếu nại, tố giác có nội dung thuộc phạm vi, nhiệm vụ của Kiểm soát viên cần phải kiểm tra, xác minh thì Kiểm soát viên xem xét quyết định thực hiện việc giám sát đột xuất; đồng thời, thông báo nội dung, địa điểm, thời gian, đối tượng giám sát đột xuất với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty và báo cáo Chủ sở hữu trước khi thực hiện.

Chương III

CƠ CHẾ PHỐI HỢP CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 10. Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên và Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty

1. Đối với Kiểm soát viên

a) Khi xem xét, đánh giá các báo cáo của Công ty nếu cần làm rõ về các nội dung giám sát Kiểm soát viên yêu cầu đại diện Công ty hoặc các phòng chuyên môn phối hợp cung cấp báo cáo, hợp đồng, sổ sách kế toán và tài liệu hoặc giải trình những vấn đề liên quan;

b) Kiểm soát viên được tham dự các cuộc họp giao ban, họp lãnh đạo Công ty mở rộng, họp chuyên đề và các cuộc họp khác có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty và có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Kiểm tra công tác chấp hành việc thực hiện các yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền qua các kiến nghị, điều chỉnh của kiểm toán, kiểm tra, thanh tra (nếu có);

d) Kiểm soát viên gửi báo cáo đến Chủ sở hữu thì đồng thời gửi cho Công ty trừ trường hợp có quy định khác của Chủ sở hữu.

2. Đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty

a) Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty được Chủ sở hữu thông tin đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và chức năng nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty;

b) Công ty phải bảo đảm gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức như đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên;

c) Khi nhận được báo cáo của Kiểm soát viên mà Công ty có ý kiến khác thì trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo,

Công ty có quyền đề nghị Chủ sở hữu trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác nhau;

d) Thực hiện các biện pháp quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Chủ sở hữu và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục tiêu bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong quá trình hoạt động kinh doanh xét thấy Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động kinh doanh của Công ty thì Công ty có quyền báo cáo Chủ sở hữu và thông báo cho Kiểm soát viên biết;

đ) Phối hợp cùng Kiểm soát viên nắm bắt các thông tin về việc triển khai, thực hiện nội dung kiểm tra, giám sát. Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty và những người quản lý khác trong Công ty phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu phục vụ cho Kiểm soát viên;

e) Tổ chức, thu xếp nơi làm việc, cơ sở vật chất và trang thiết bị công tác phục vụ cho hoạt động của Kiểm soát viên; có ý kiến đối với đề xuất phê duyệt tiêu chuẩn, định mức về cơ sở, vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Kiểm soát viên trước khi trình Chủ sở hữu;

g) Chủ động phối hợp cùng Kiểm soát viên trong các cuộc họp giao ban, họp chuyên đề và các cuộc họp khác để cùng tham gia đóng góp ý kiến vào các phương án, mục tiêu, chiến lược kinh doanh cũng như góp ý vào các nội quy, quy chế của Công ty góp phần hoàn thiện hơn và đúng với quy định của pháp luật;

h) Chủ động phối hợp cùng Kiểm soát viên khắc phục những kiến nghị, thực hiện các kết luận mà Kiểm soát viên đã đưa ra qua các cuộc kiểm tra, giám sát (nếu có) hoặc các yêu cầu của Chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

Điều 11. Cơ chế phối hợp, báo cáo, xin ý kiến giữa Chủ sở hữu và Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ;

b) Phê duyệt kế hoạch công tác hằng năm của Kiểm soát viên;

c) Giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm;

d) Trên cơ sở đề xuất của Kiểm soát viên và sự thống nhất của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Chủ sở hữu phê duyệt tiêu chuẩn, định mức về cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty theo quy định hiện hành;

đ) Theo dõi, giám sát, đánh giá, tổng hợp và xử lý các công việc liên quan đến hoạt động, quản lý, chế độ chính sách của Kiểm soát viên;

e) Thông báo đầy đủ cho Kiểm soát viên về quyết định của mình liên quan đến các nội dung quy định tại Điều 4 Quy chế này và các quyết định khác liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Kiểm soát viên tại Công ty;

g) Trả lời bằng văn bản các kiến nghị, đề xuất của Kiểm soát viên và phải kịp thời đối với các vấn đề phát sinh đột xuất, có tính cấp bách mà Kiểm soát viên gửi xin ý kiến Chủ sở hữu;

h) Thông báo cho Công ty và các cơ quan liên quan về việc ra quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Kiểm soát viên và hiệu lực thi hành để Công ty thu xếp nơi làm việc và các trang thiết bị công tác phục vụ cho công việc của Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên:

a) Rà soát, xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên tại Công ty theo quy định trình Chủ sở hữu phê duyệt.

b) Quý I hàng năm, Kiểm soát viên phải xây dựng kế hoạch công tác năm trình Chủ sở hữu phê duyệt và thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác năm đã được phê duyệt;

c) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch công tác xây dựng hàng năm, Kiểm soát viên phải chủ động công việc ngoài phạm vi kế hoạch mà không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Cần phát hiện kịp thời những sai phạm hoặc những dấu hiệu vi phạm pháp luật, ghi nhận lại sự việc đưa ra kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có), đồng thời báo cáo ngay cho Chủ sở hữu và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty để phối hợp đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời;

d) Định kỳ trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc quý và ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc năm, Kiểm soát viên phải gửi cho Chủ sở hữu báo cáo bằng văn bản về tình hình và kết quả hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty và dự kiến phương hướng, kế hoạch hoạt động trong kỳ tới;

đ) Đối với những văn bản, báo cáo của Công ty cần có ý kiến thẩm định của Kiểm soát viên, trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản, báo cáo, Kiểm soát viên phải báo cáo kết quả thẩm định cho Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty, Giám đốc Công ty, đồng thời gửi báo cáo thẩm định bằng văn bản đến Chủ sở hữu.

Chương IV

CƠ CHẾ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 12. Căn cứ, nội dung, thời điểm, trách nhiệm, tiêu chí đánh giá và xếp loại chất lượng

1. Trách nhiệm, căn cứ, tiêu chí, nội dung đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm thực hiện theo Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Việc đánh giá Kiểm soát viên được thực hiện hàng năm sau khi Chủ sở hữu công bố kết quả xếp loại Công ty theo quy định của pháp luật. Kết quả đánh giá, xếp loại được lưu vào hồ sơ và thông báo đến Kiểm soát viên.

3. Kiểm soát viên được đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm theo 04 mức độ: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ.

4. Đối với Kiểm soát viên là đảng viên thì đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên trước; đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý sau. Trường hợp không đạt kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ công tác được giao trong năm theo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng quản lý thì cấp có thẩm quyền căn cứ các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng xem xét, quyết định lại mức đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên.

Điều 13. Quy trình, trình tự thủ tục đánh giá

Quy trình, trình tự thủ tục đánh giá và xếp loại chất lượng hàng năm thực hiện theo Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và hướng dẫn của Sở Nội vụ tỉnh Đồng Nai.

Chương V

TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 14. Tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Chủ sở hữu quyết định căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quy định của pháp luật; được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty và được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng của Kiểm soát viên thực hiện theo Quy chế trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các quy định pháp luật hiện hành.

3. Kiểm soát viên được hưởng chế độ ưu đãi, phúc lợi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể như cán bộ, người lao động của Công ty.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Sở Lao động- Thương binh và Xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

2. Hội đồng thành viên công ty, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên, các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động Kiểm soát viên chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Những vấn đề có liên quan đến hoạt động của Kiểm soát viên chưa được quy định trong Quy chế này thì thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này; trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.